CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Ngày 30/06/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	**0%**	**-**

DT thuần
Q2/25
83.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.8| 35.2%
YoY: ▲ 23.4| 38.8%

LN thuần
Q2/25
13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 312%
YoY: ▲ 23.1| 242%

LN sau thuế
Q2/25
6.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.4| 193%
YoY: ▲ 18.9| 151%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
30.4%
YoY: +/-▲ 19.6%

ROE (TTM)
Q2/25
0.5%
YoY: +/-▲ 2.1%

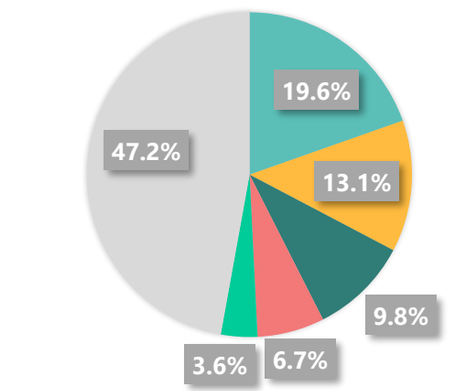
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	580
Số lượng CPLH (CP)	84,083,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	547,385
Sở hữu nước ngoài	2.5%
Beta	1.54
EPS	56
P/E	123.4

DT thuần
6T 2025
146
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 50.8| 53.0%

LN thuần
6T 2025
7.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.1| 133%

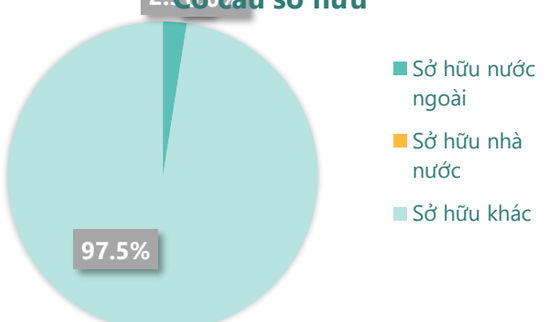
LN sau thuế
6T 2025
-0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.8| 97.9%

Cơ cấu cổ đông



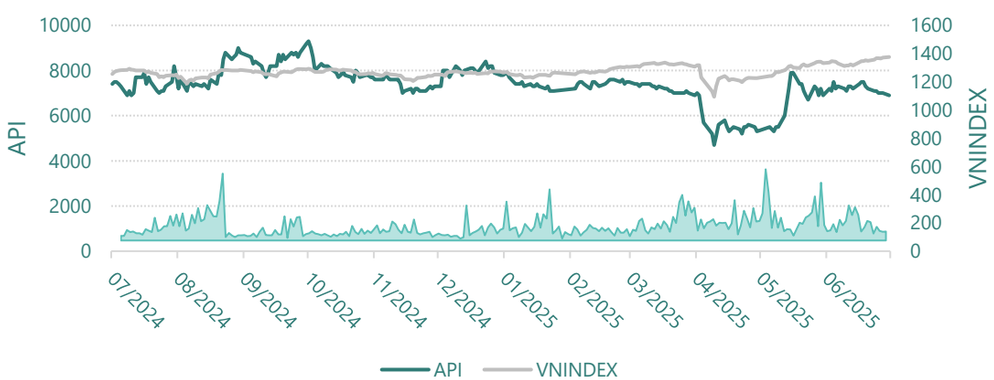
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



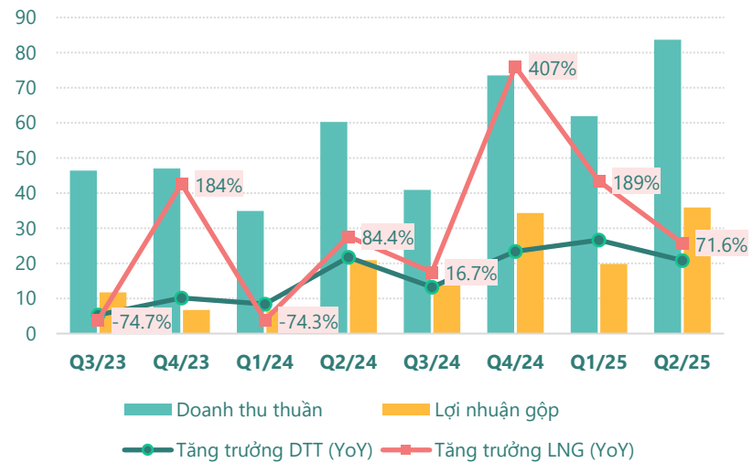
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



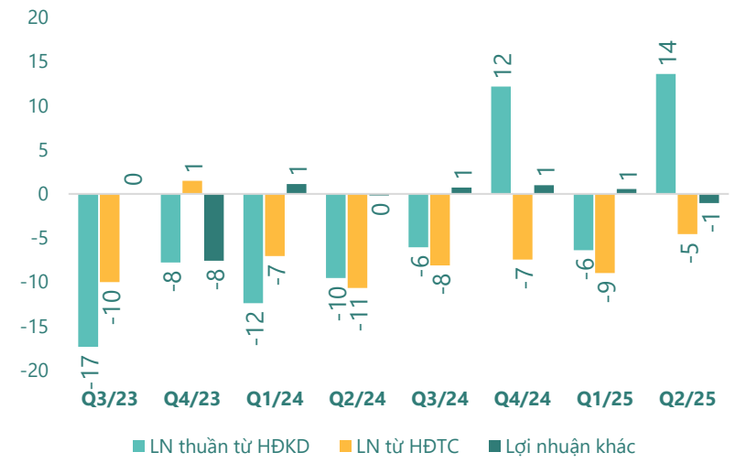
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



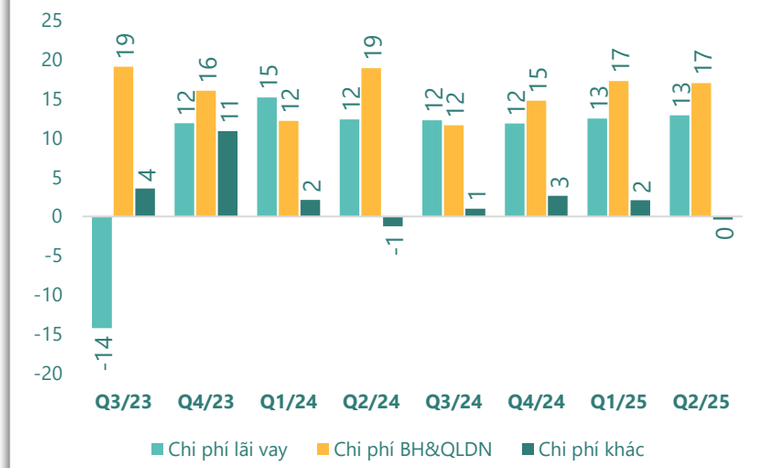
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



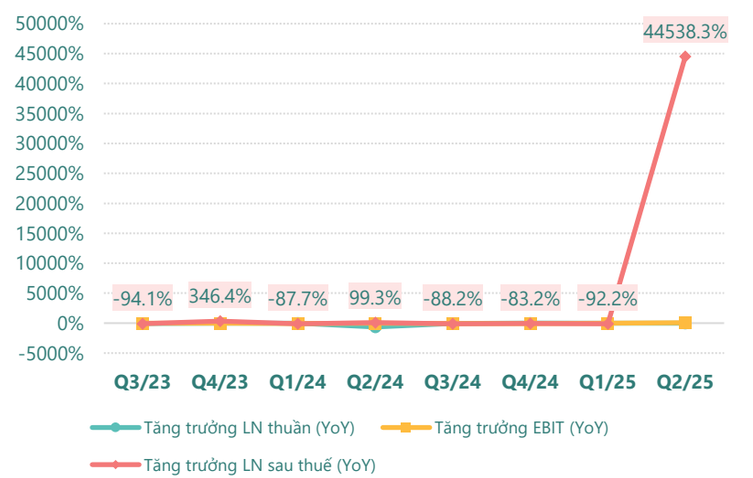
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



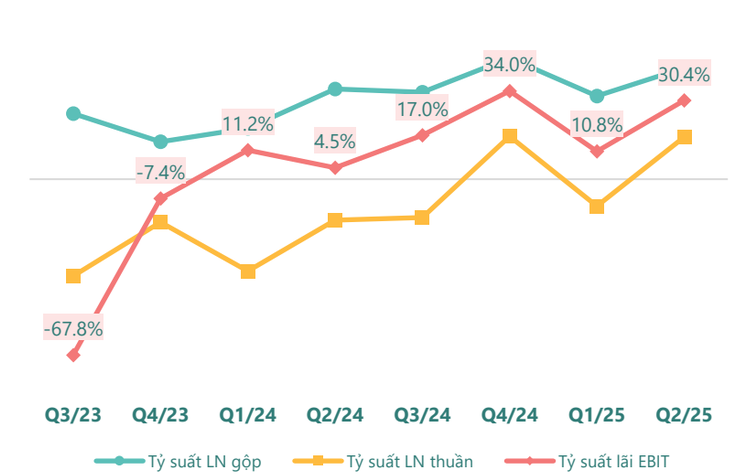
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



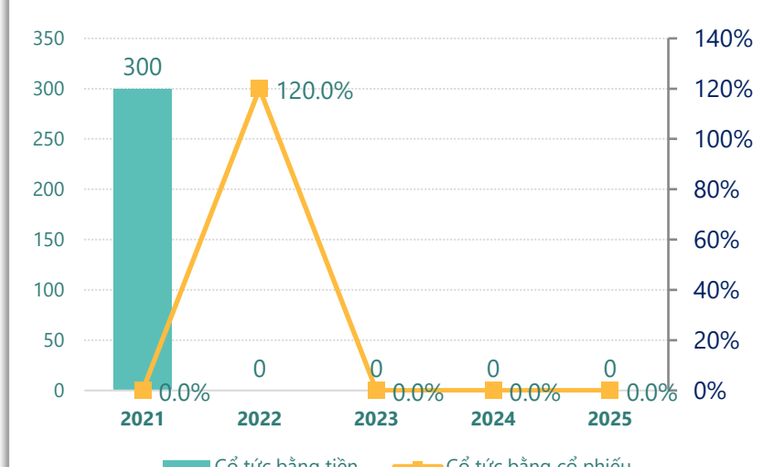
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

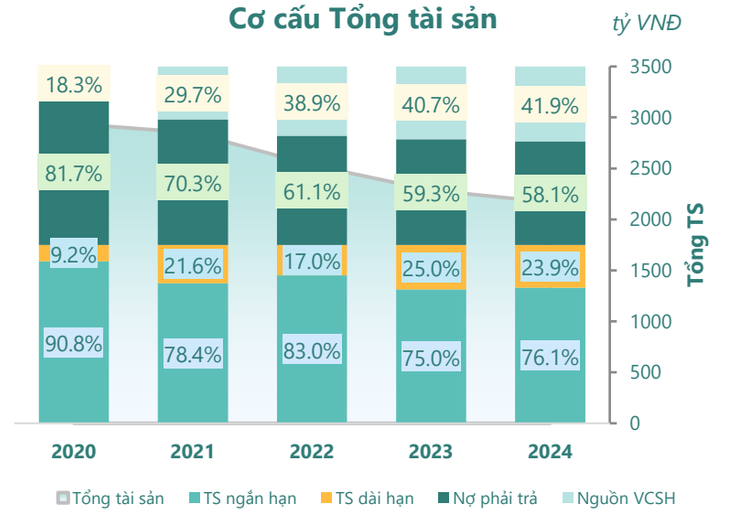
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

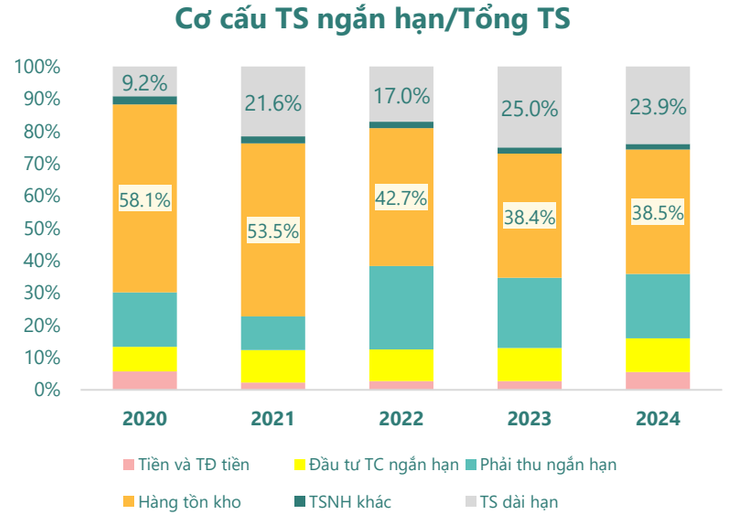
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



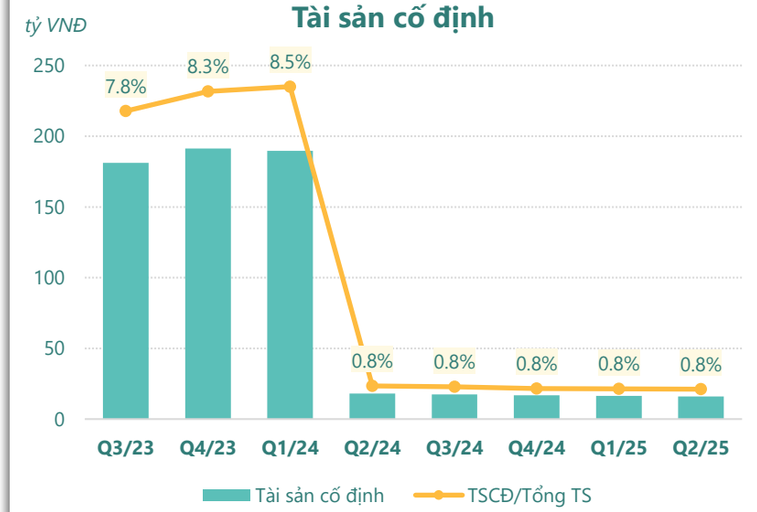
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



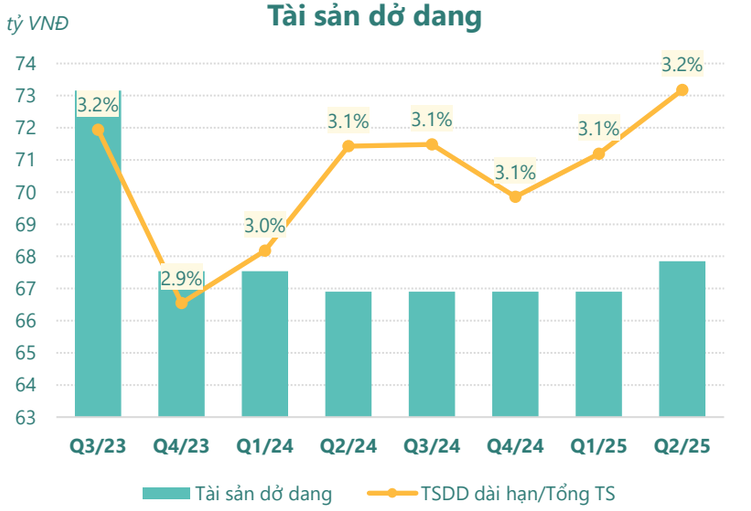
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



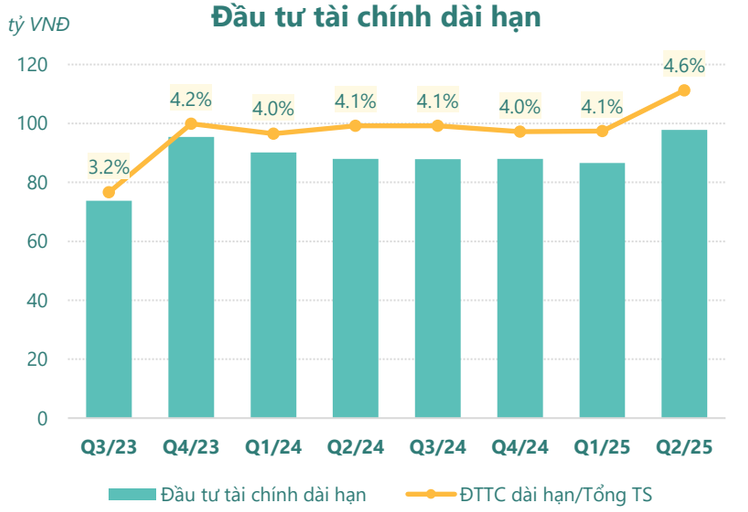
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



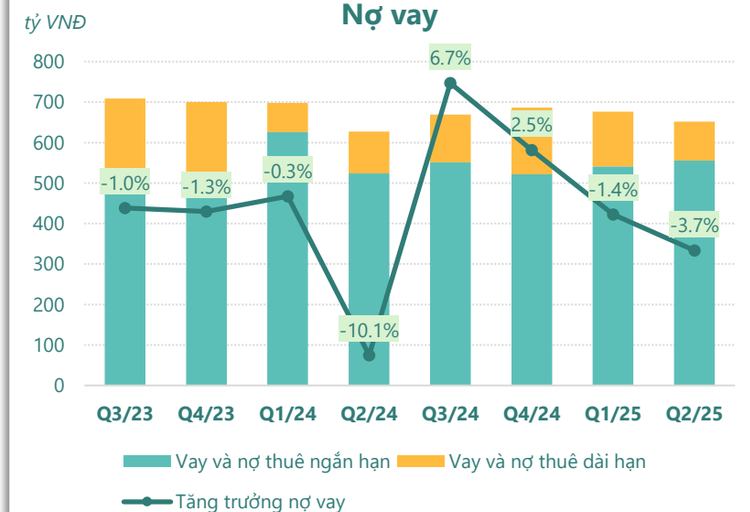
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

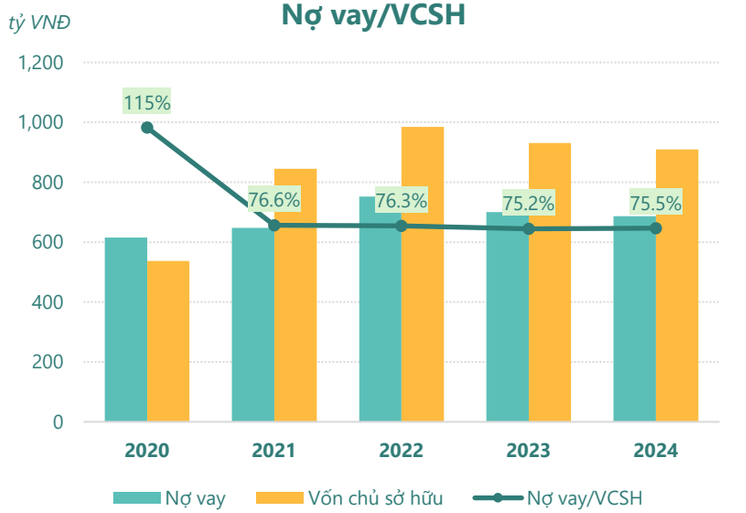
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

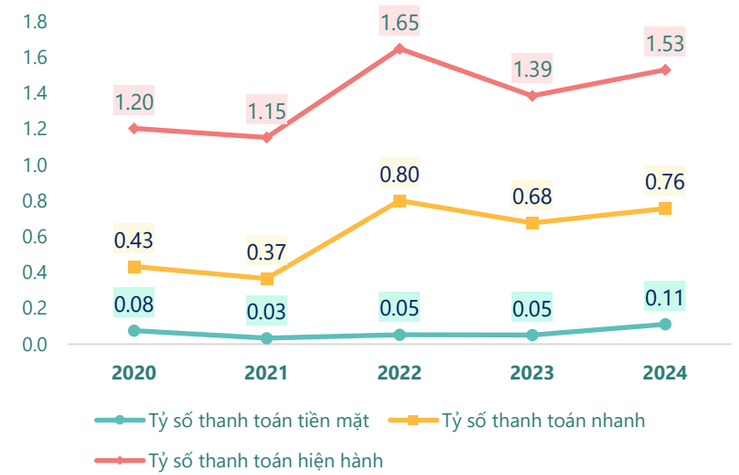
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



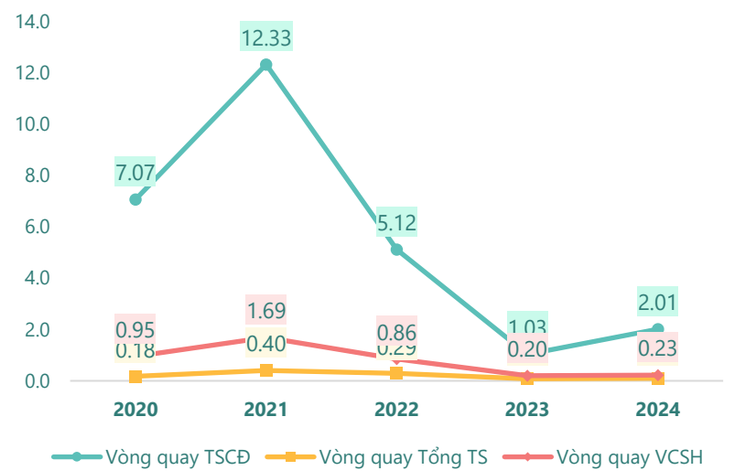
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



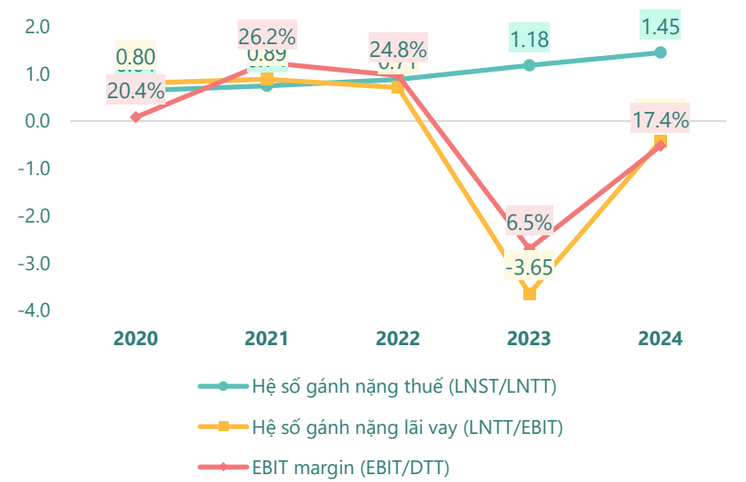
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



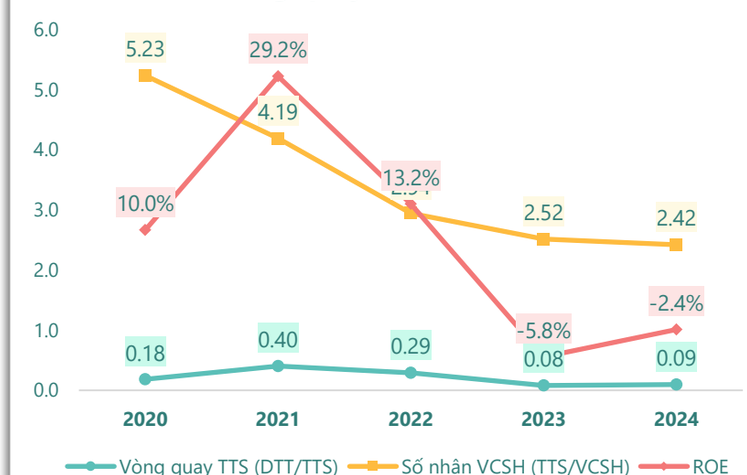
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



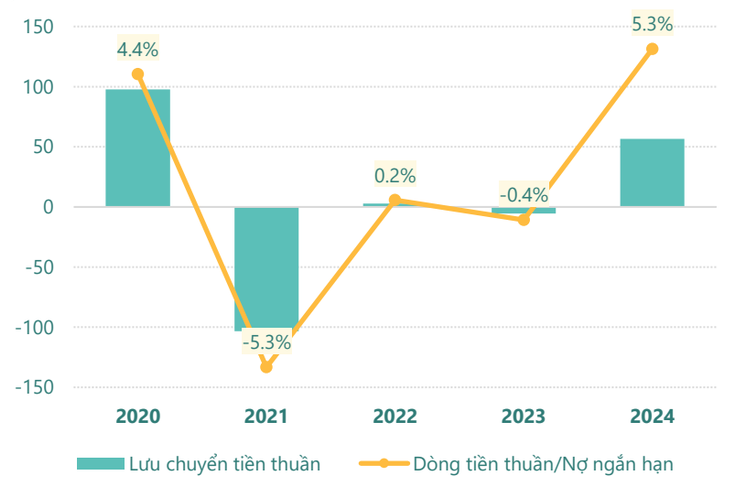
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**83.7**	**60.3**	**38.8%**	**146**	**95.2**	**53.0%**
Giá vốn hàng bán	47.8	39.3	21.5%	89.8	67.4	33.4%
Lợi nhuận gộp	36.0	21.0	71.2%	55.8	27.8	101%
Doanh thu HĐTC	8.54	5.13	66.5%	12.4	13.6	-9.0%
Chi phí TC	13.1	15.8	-17.0%	25.9	31.3	-17.3%
Chi phí lãi vay	12.9	12.4	3.9%	25.4	27.6	-7.9%
LN trong công ty LKLD	**-0.77**	**-0.93**	**17.2%**	**-0.77**	**-0.93**	**17.4%**
Chi phí bán hàng	9.58	8.73	9.7%	20.1	12.6	59.6%
Chi phí QLDN	**7.44**	**10.2**	**-27.1%**	**14.2**	**18.5**	**-23.2%**
LN thuần từ HĐKD	13.6	-9.54	242%	7.19	-21.9	133%
Lợi nhuận khác	**-1.05**	**-0.18**	**-486%**	**-0.49**	**0.95**	**-152%**
LN trước thuế	12.5	-9.71	229%	6.70	-21.0	132%
Lợi nhuận sau thuế	**6.42**	**-12.5**	**151%**	**-0.50**	**-24.3**	**97.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.83**	**-12.5**	**155%**	**-0.09**	**-24.3**	**99.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.2	0.19	-22.0	45.2	14.7	14.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.7	57.7	2.26	8.32	-9.13	-15.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.21	-70.7	41.9	17.0	-9.90	-24.8
Tiền đầu kỳ	62.6	34.5	21.7	43.8	119	115
Lưu chuyển tiền thuần	**-28.1**	**-12.8**	**22.1**	**70.6**	**-4.34**	**-25.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.5	21.7	43.8	114	115	89.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,110**	**2,170**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,652	1,650	0.1%
Tiền và tương đương tiền	89.5	119	-25.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	256	226	13.4%
Phải thu ngắn hạn	463	433	6.9%
Hàng tồn kho	810	835	-3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	34.0	37.4	-9.3%
Tài sản dài hạn	**457**	**519**	**-11.9%**
Phải thu dài hạn	78.2	90.3	-13.4%
Tài sản cố định	16.0	16.9	-5.3%
Bất động sản đầu tư	178	235	-24.0%
Tài sản dở dang	67.9	66.9	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	97.8	86.6	13.0%
Tài sản dài hạn khác	**19.2**	**23.8**	**-19.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,198	1,260	-4.9%
Nợ ngắn hạn	**1,046**	**1,078**	**-3.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	556	558	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	76.4	87.9	-13.0%
Nợ dài hạn	152	182	-16.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.8	129	-25.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**912**	**909**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**912**	**909**	**0.2%**
Vốn điều lệ	841	841	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)